

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định khu vực không được phép chăn nuôi
và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực
không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bến Tre

SỔ TƯ PHÁP BẾN TRE	
ĐẾN	Số: <u>4510</u>
	Ngày: <u>11.12.20</u>
	Chuyên:
	Số và ký hiệu HS:.....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 5845/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (sau đây viết tắt là khu vực không được phép chăn nuôi), quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở chăn nuôi là nơi nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi. Cơ sở chăn nuôi bao gồm: chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ; chăn nuôi nông hộ.

2. Động vật khác trong chăn nuôi: bao gồm chim yến, ong mật, chó, mèo, hươu sao, dông, vịt trời, dê, bò cạp, tằm, trùn quế, rồng đất và các động vật khác thuộc danh mục động vật khác được phép chăn nuôi khi có quyết định sửa đổi, bổ sung của Chính phủ.

3. Hoạt động nuôi chim yến bao gồm dẫn dụ, ấp nở, gây nuôi chim yến và khai thác tổ yến.

4. Điểm dân cư nông thôn bao gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 của Luật Xây dựng.

Điều 3. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Thành phố Bến Tre, bao gồm: Phường An Hội, phường Phú Khương, phường Phú Tân, Phường 4, Phường 5, Phường 6, Phường 7, Phường 8, xã Mỹ Thạnh An và xã Bình Phú và theo quy hoạch đô thị, thành phố phát triển tiếp theo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thị trấn thuộc các huyện: được xác định theo quy hoạch đô thị thị trấn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thị xã thuộc tỉnh: được xác định theo quy hoạch đô thị thị xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các xã thuộc thành phố, thị xã, huyện, bao gồm: các công trình công cộng và điểm dân cư nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Vùng nuôi chim yến

1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này. Nhà yến phải có khoảng cách tối thiểu 300 m tính từ ranh giới hành chính của khu vực theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

2. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này thì không thực hiện cưỡng chế di dời nhưng phải thực hiện các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi và động vật khác ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Nguyên tắc hỗ trợ di dời

a) Mỗi cơ sở thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần.

b) Chính sách quy định tại Điều này không áp dụng cho những cơ sở đã được hưởng chính sách hỗ trợ tương tự từ các quy định, chính sách khác của tỉnh và Trung ương.

c) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi (gọi tắt là hỗ trợ di dời) có xác nhận của cơ quan địa phương.

2. Điều kiện hỗ trợ di dời

a) Cơ sở chăn nuôi đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

b) Cơ sở chăn nuôi nông hộ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phê duyệt thuộc diện di dời.

c) Cơ sở chăn nuôi trang trại phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt thuộc diện di dời.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Các cơ sở chăn nuôi (trừ nuôi chim yến) khi di dời khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi sẽ được hỗ trợ 50% giá trị tài sản theo quy định đơn giá chuồng trại của Bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Tổng kinh phí hỗ trợ chuồng trại không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/cơ sở.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đã xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà thuộc khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này, thì trong thời hạn kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi.

2. Các cơ sở thuộc diện phải di dời theo quyết định được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà không thực hiện di dời đúng thời gian quy định và các cơ sở chăn nuôi phát sinh trong khu vực không được phép chăn nuôi kể từ ngày Nghị

quyết này có hiệu lực thi hành sẽ không được hỗ trợ di dời và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNN, Tư pháp;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. *~u*



CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi